

CÔNG TY CỔ PHẦN ONRO COFFEE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ONRO COFFEE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110066349

3. Ngày thành lập: 20/07/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

33 Kim Mã Thượng, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0878242310

Fax:

Email: onrocoffeevietnam@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá)	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

7.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm khác	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659

16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
17.	Trồng lúa	0111
18.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
19.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
20.	Trồng cây mía	0114
21.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
22.	Trồng cây lấy sợi	0116
23.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
24.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
25.	Trồng cây hàng năm khác	0119
26.	Trồng cây ăn quả	0121
27.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
28.	Trồng cây cà phê	0126
29.	Trồng cây chè	0127
30.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
31.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây cảnh lâu năm	0129
32.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
33.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
34.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
35.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
36.	Chăn nuôi gia cầm	0146
37.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
38.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
39.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
40.	Đào tạo sơ cấp	8531

41.	Đào tạo trung cấp	8532
42.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng. - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy pha chế đồ uống	8559
43.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục. - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, - Dịch vụ kiểm tra giáo dục,	8560
44.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
45.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ hoạt động tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán và tài chính)	7020
46.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
47.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
48.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
49.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
50.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô, xe có động cơ khác	7710
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
52.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
53.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
54.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
55.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
56.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
57.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
58.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

59.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
60.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
61.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
62.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
63.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
64.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
65.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
66.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
67.	Sản xuất chè	1076
68.	Sản xuất cà phê	1077(Chính)
69.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
70.	Sản xuất rượu vang	1102
71.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
72.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
73.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
74.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
75.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ	4789
76.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
77.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
78.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	4932
79.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
80.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
81.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510

82.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm - Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
83.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
84.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
85.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
86.	Đại lý du lịch	7911
87.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành	7912
88.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
89.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
90.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
91.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
92.	Xây dựng nhà để ở	4101
93.	Xây dựng nhà không để ở	4102
94.	Xây dựng công trình điện	4221
95.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
96.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
97.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
98.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
99.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
100.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
101.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
102.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

103.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ dầu hoả, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 1.100.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN NHẬT PHƯƠNG	CH1016 tòa HH1C Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	22.000	220.000.000	20,000	0080880001 59	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	22.000	220.000.000	20,000		

2	PHẠM QUANG LONG	BT1-D4 KĐTMT Trung Văn TDP 12, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.540	125.400.000	11,400	0200880001 20
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	12.540	125.400.000	11,400	
			3	NGUYỄN QUANG HUY	P204 – B6, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	
Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0				0,000	
Các cổ phần ưu đãi khác	0	0				0,000	
Tổng số	21.230	212.300.000				19,300	
4	LÊ ĐỨC BÌNH	Số nhà 8, ngách 233/24 đường Xuân Thủy Tổ 19, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam				Cổ phần phổ thông	11.000
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	11.000	110.000.000	10,000	

5	THÁI DUY ANH	TT Cty KSTK Điện 1, 4/597 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	21.230	212.300.000	19,300	0010920311 53
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	21.230	212.300.000	19,300	
			6	ĐỖ LONG	5B2 – 57 Ngọc Khánh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	
Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0				0,000	
Các cổ phần ưu đãi khác	0	0				0,000	
Tổng số	22.000	220.000.000				20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: THÁI DUY ANH Giới tính: Nam
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Sinh ngày: 09/11/1992 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092031153
Ngày cấp: 13/04/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật
Tự Xã Hội
Địa chỉ thường trú: TT Cty KSTK Điện 1, 4/597 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân
Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ liên lạc: TT Cty KSTK Điện 1, 4/597 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội